



Nhìn lại cuộc khởi nghĩa của Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực

Bùi Thụy Đào Nguyên

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Nhìn lại cuộc khởi nghĩa của Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực](#)

Bùi Thụy Đào Nguyên

Nhìn lại cuộc khởi nghĩa của Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực



Nguyễn Trung Trực, sinh năm 1839(1), mất năm 1868, là vị thủ lĩnh phong trào khởi nghĩa chống Pháp ở Tân An (nay thuộc Long An) và Rạch Giá (nay thuộc Kiên Giang), cuối thế kỷ 19 tại Nam Kỳ.

I.Cuộc đời:

Sinh ra dưới thời Minh Mạng, thưở nhỏ ông có tên là Chơn, từ năm Kỷ Mùi 1859 đổi là Lịch (Nguyễn Văn Lịch), và cũng từ tên Chơn ấy cộng với tính tình ngay thật, nên thầy dạy học của ông đặt tên hiệu cho ông là Trung Trực.(theo Hỏi đáp lịch sử Việt Nam tập 4, NXB trẻ, 2004, tr.46)

Nguyên quán gốc Nguyễn Trung Trực ở xã Vĩnh Hội, huyện Phù Cát, tỉnh

Bình Định. Ông nội là Nguyễn Văn Đạo, cha là Nguyễn Văn Phụng tức Thăng, mẹ là Lê Kim Hồng.

Sau khi hải quân Pháp nhiều lần bắn phá duyên hải Trung Bộ, gia đình ông phải phiêu bạt vào Nam, định cư ở xóm Nghè (một xóm trước đây chuyên nghề chài lưới), làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, Phủ Tân An (nay thuộc ngoại ô thị xã Tân An, tỉnh Long An) và sinh sống bằng nghề chài lưới vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ. Không rõ năm nào, lại dời lần nữa xuống làng Tân Thuận, tổng An Xuyên.(nay là xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau)

Lúc nhỏ, ông rất hiếu động, thích học võ nên khi lớn lên ông là người có thể lực khoẻ mạnh, giỏi võ nghệ và là người có nhiều can đảm, mưu lược.

Tháng 2 năm 1859, Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Vốn xuất thân là dân chài, nằm trong hệ thống lính đồn điền của kinh lược Nguyễn Tri Phương, nên ông sốt sắng theo và còn chiêu mộ được một số nông dân vào lính để gìn giữ đại đồn Chí Hòa, dưới quyền chỉ huy của Trương Định.

Năm 1861, nhờ lập được công lao, nên ông được triều đình phong chức Quyền sung Quản đạo”(Hỏi đáp lịch sử tập 4 , sách đã dẫn, tr.46. Phan Thành Tài trong Nam Bộ - đất và người ghi là “quyền sung quản binh đạo”(Hội Khoa học lịch sử TP. HCM, NXB Trẻ tr. 159) nên còn được gọi là Quán Chơn hay Quán Lịch .

Nghĩa quân dưới quyền lãnh đạo của ông gồm một số nhà yêu nước: Lâm Quang Ky, Hoàng Khắc Nhuận, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Học, Hồ Quang v.v...

II. Chiến công:

Nhà thơ Huỳnh Mẫn Đạt đã tóm gọn hai chiến công nổi bật của Nguyễn Trung Trực bằng hai câu thơ nổi tiếng sau:

Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa

Kiểm bạc Kiên Giang khắp quý thần

Thái Bạch dịch:

Lửa bùng Nhật Tảo rêm trời đất

Kiểm tuốt Kiên Giang rợn quý thần.

2.1Hỏa hồng Nhật Tảo:

Sau khi đại đồn Chí Hòa thất thủ (25 tháng 2 năm 1861), Nguyễn Trung Trực về Tân An. Lúc này, Pháp đã chiếm Mỹ Tho (tức thành Định Tường thất thủ vào ngày 12 tháng 4 năm 1861) nên thường cho những tàu chiến vừa chạy tuần tra vừa làm đồn nổi di động.

Một trong số đó là chiếc tiểu hạm Espérance (Hy Vọng), án ngữ nơi vàm Nhật Tảo, thuộc xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Tiểu hạm Espérance là một tàu gỗ có chỗ được bọc đồng chạy bằng hơi nước, có thể ra vào những luồng lạch cạn, được trang bị đại bác cùng nhiều vũ khí đa năng. Đây là một trong những tàu thuộc hàng bậc nhất của hải quân Pháp lúc bấy giờ.

Vào trưa ngày 10 tháng 12 năm 1861, Nguyễn Trung Trực cùng phó quản binh Huỳnh Khắc Nhượng và Võ Văn Quang (theo Hồi đáp lịch sử, còn Phan Thành Tài ghi tên là Nguyễn Văn Quang) tổ chức cuộc phục kích đốt cháy tàu này. Nguyễn Phan Quang cho biết: "*Theo tài liệu của Pháp thì trong trận đốt cháy tàu Espérance, Nguyễn Trung Trực đã được sự hướng dẫn, hỗ trợ của Trương Định*".(theo Việt Nam thế kỷ 19, NXB TP. HCM, 2002, tr. 289)

Trận Nhật Tảo có 2 ý kiến khác nhau: thứ nhất ông Trực cho giả làm thuyền đám cưới qua sông, thừa lúc áp sát tàu Espérance rồi đánh úp; thứ hai là ông Trực cho giả làm thuyền buôn lúa, để đánh chìm tàu. Ý kiến sau được nhiều người chấp nhận, trong đó có sự đồng thuận của một số người tác giả người Pháp như Paulin Vial, Alfred Schreiner...

Trận này quân của Nguyễn Trung Trực đã diệt 17 lính và 20 cộng sự người

Việt, chỉ có 5 người trốn thoát (2 lính Pháp và 3 lính Tagal, tức lính đánh thuê Philippines, cũng còn gọi là lính Ma Ní).

Lúc đó, viên sĩ quan chỉ huy tàu là trung úy hải quân Parfait không có mặt, nên sau khi hay tin dữ, Parfait đã ra lệnh đốt cháy nhiều nhà cửa trong thôn Nhật Tảo.

Chiến thắng này được triều Nguyễn cho ban thưởng và ghi chép lại trong sử.

Còn với Pháp, viên thanh tra bản xứ tại Nam Kỳ tên Paulin Vial gọi đây là: “*một sự kiện đau đớn*” làm người An Nam phẫn chấn và gây xúc động, đau lòng sâu sắc trong lòng người Pháp. ’(Paul Vial: “*Les premières années de la Cochinchine, Colonie Francaise*”, 2 quyển, Challamet Ainé, Libraire Editeru, Paris, 1874, tr.124)

Và Alfred Schreiner gọi chiến thắng Nhật Tảo:

“*Đây là khúc nhạc mở đầu cho một cuộc tổng công kích hầu như toàn bộ các đồn lũy của người Pháp*”(Alfred Schreiner: “*Abregéde l’histoire D’ An nam*”, 2è Éd. Sài Gòn, 1906, tr.224)

Ở một trang khác, tác giả nhận định:

“*Cuộc đốt cháy tàu Espérance là một biến cố bi thảm đã gây nên một nỗi xúc động sâu sắc nơi người Pháp và kích thích một cách lạ lùng trí tưởng tượng của người Annam*”(sách đã dẫn, tr.223)

Thật vậy, từ sau chiến thắng trên, hàng loạt cuộc tấn công trên sông liên tiếp diễn ra, như: nghĩa quân Nguyễn Trung Trực tấn công tàu tuần tiễu Pháp trên vàm sông Bến Lức (tháng 12 năm 1862) và trên Sông Tra (nay thuộc xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.) vào ngày 16 tháng 12 năm 1862 (có sách ghi ngày 17) gây nhiều thiệt hại cho đối phương.

Paul Vial kể:

“*Ba chiếc tiểu hạm (Iorcha) đậu trên sông Vaico Đông (tức Vàm Cỏ Đông) nhằm kiểm soát sự lưu thông đường thủy, bị tấn công hết sức dữ dội bởi*

những nhóm người đông đảo, do họ được cố vũ bởi trận đốt tàu Espérance...Một trong ba chiếc đó, chiếc tiểu hạm số 3. Viên sĩ quan chỉ huy tàu này đã bị thương.”(sách đã dẫn, tr. 195)

Và Georfes Taboulet đã thú nhận:

“Cuộc nổi dậy bất ngờ bùng nổ vào ngày 16 tháng 12 năm 1862 (trận Sông Tra), và chẳng mấy chốc lan rộng ra. Ba chiếc tuần tra và nhiều đồn bót bị đánh chiếm, như đồn Rạch Tra, gần Sài Gòn; trong trận đó, viên đại úy Thouroude đã tử trận... .(Georfes Taboulet:“ La geste Francais en Indochine”, Paris, 1956, tr. 481)

2.2 Kiểm bạt Kiên Giang:

Sau khi 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ mất (hòa ước Nhâm Tuất 1862), Nguyễn Trung Trực rút về hoạt động ở ba tỉnh miền Tây. Đầu năm 1867, ông ra Huế nhậm chức Lãnh binh, đến giữa năm 1867, lại về Hà Tiên giữ chức Hà Tiên thành thủ úy để trấn giữ đất này.(theo biên bản hỏi cung tại khám lớn Sài Gòn. Có tài liệu nói Nguyễn Trung Trực nhận chức khi ở Tân An, có tài liệu nói ông ra Bình Định nhận chức.)

khi thành Hà Tiên thất thủ ngày 23 tháng 6 năm 1867, ông theo lệnh triều đình rút quân về Bình Thuận mà đưa quân về lập căn cứ ở Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Hòn Chông, tỉnh Kiên Giang) Phan Thành Tài cho biết lúc đó ông mới đổi tên thành Nguyễn Trung Trực.(sách đã dẫn, tr. 167)

Vào 4 giờ sáng ngày 16 tháng 6 năm 1868, nghĩa quân cùng nhiều người dân yêu nước (có cả hương chức và người Hoa, người Khmer) do Nguyễn Trung Trực chỉ huy đã bí mật, bất ngờ đánh úp đồn Kiên Giang, do quan tư An Sart chỉ huy, tiêu diệt đối phương, trong số đó có 5 viên sĩ quan Pháp, 67 lính, thu trên 100 khẩu súng và nhiều đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày liền.

Đây là lần đầu tiên, lực lượng nghĩa quân đánh đối phương ngay tại trung tâm đầu não của tỉnh. Nhận tin chủ tỉnh Rạch Giá cùng viên trung úy Gamard bị giết ngay tại trận, George Diirwell gọi đây là “*một sự kiện bi thảm*” (un événement tragique - theo “Bulletin de la Société des Etudes Indochine de Saigon”, Sài Gòn, tr.40)

Hai ngày sau (ngày 18 tháng năm 1868), trung tá hải quân A. Léonard Ansart, Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương mang binh từ Vĩnh Long sang tiếp cứu. Ngày 21 tháng 6 năm 1868, Pháp phản công, ông phải lui quân về Hòn Chông rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm chống đối phương lâu dài (2)

Tháng 9 năm 1868, chiếc tàu Groeland chở Huỳnh Văn Tấn (còn được gọi Huỳnh Công Tấn hay lãnh binh Tấn, trước có quen biết ông Trực vì cùng theo Trương Định kháng Pháp. Sau này, Tấn trở thành cộng sự cho Pháp), cùng 150 lính ở Gò Công đến đảo Phú Quốc để bao vây và truy đuổi ông Trực.

Phạm Văn Sơn thuật chuyện:

Hương chức và dân trên đảo bị đội Tấn dọa phải theo và phụ lực với hắn để bao vây bọn ông Trực. Sau hai trận ghê gớm, bọn ông Trực phải trốn vào trong núi. Đội Tấn rượt theo, nghĩa quân bị kẹt trong một khe núi nhỏ hẹp. Cùng đường, bọn ông Trực phải ra hàng... (Việt sử tân biên , quyển 5, tập thượng, Sài Gòn, 1962, tr.198)

Có người cho rằng để bảo toàn lực lượng nghĩa quân, nhân dân trên đảo và lòng hiếu với mẹ (Pháp đã bắt mẹ của ông để uy hiếp), Nguyễn Trung Trực tự ra nộp mình cho người Pháp và đã bị đưa về giam ở Sài Gòn.

Pau Vial lại cho rằng:

“Nguyễn Trung Trực chịu nộp mạng, chỉ vì thiếu lương thực và vì mạng sống

của bao nghĩa quân đang bị bao vây hàng tháng trời ròng rã tại Phú Quốc”.(Paul Vial, sách đã dẫn)

Rất tiếc bản cáo của lãnh binh Tấn gửi cho thống đốc Nam kỳ về "việc bắt Nguyễn Trung trực và Tổng binh Côn" đã bị thất lạc từ ngày 23 tháng 5 năm 1950, vì thế sự việc chưa được tường tận (Nguyễn Nghị, Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu của Pháp cho biết: "Nhiều hồ sơ tương đối quan trọng trong những năm 1860 đến đầu thập niên 1870, đã được ghi là phát hiện mất.

Theo một số nhà chuyên môn thì người Pháp khi trở lại Việt Nam đã lấy đi..."(Nam Bộ, xưa và nay, NXB TP. HCM và tạp chí Xưa và Nay, năm 2005, tr.255)

III.Thọ tử:

Pháp phủ dụ Nguyễn Trung Trực qui thuận không được nên vào ngày 27 tháng 10 năm 1868, đô đốc toàn quyền Nam Kỳ G.Ohier cho đưa ông về lại Rạch Giá và đã sai một người khmer trên Tựa (người dân thường gọi ông là Bòn Tựa) đưa ông ra hành hình tại chợ Rạch Giá, hưởng dương khoảng 30 tuổi.

Địa điểm hành quyết ngay tại miếng đất đối diện ”chợ nhà lồng” Rạch Giá, lúc bấy giờ còn cây da cổ thụ.

Trên miếng đất thấm máu Nguyễn Trung Trực, người Pháp cho xây lên Nhà Giây Thép, về sau là Ty Bưu Điện tỉnh lỵ. Riêng cây da cổ thụ đã bị đốn vào năm 1947.

Người ta kể rằng:

Vào buổi sáng ngày 27-10-1868, nhân dân Tà Niên (theo Lược sử Đình Vĩnh Hòa Hiệp do Ban Bảo vệ di tích tổ chức biên soạn và ấn hành vào tháng 1 năm 2008: “Từ đầu tháng 6 năm 1867 đến ngày 16 tháng 6 năm 1868, dân làng Tà Niên (nay là xã Vĩnh Hòa Hiệp) đã đùm bọc, chở che nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, để họ chuẩn bị tấn công đồn Kiên Giang)

nơi nổi tiếng về nghề dệt chiếu, và nhiều nơi khác đổ xô ra chợ Rạch Giá, vì Pháp đem Nguyễn Trung Trực ra hành quyết. Ông Trực yêu cầu Pháp mở trói, không bịt mắt để ông nhìn đồng bào và quê hương trước phút "ra đi". Bô lão làng Tà Niên đến vĩnh biệt ông, đã trải xuống đất một chiếc chiếu hoa có chữ "thọ" (chữ Hán) màu đỏ tươi thật đẹp cho ông bước đứng giữa. Ông hiên ngang, dũng dạc trước pháp trường, nhìn bầu trời, nhìn đất nước và từ giã đồng bào... (4)

Tương truyền, trước khi bị hành quyết Nguyễn Trung Trực đã sang sáng ngâm bài thơ tuyệt mệnh:

*Thư kiếm từng nhưng tự thiếu niên,
Yêu gian đàm khí hữu long tuyền,
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.
Bảo hận thâm cừu bất đái thiên.*

Thi sĩ Đông Hồ dịch:

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chang chang chẳng đội trời.*

IV.Câu nói lưu danh:

Khi ông bị người Pháp giải về Sài Gòn, viên thống soái Nam Kỳ lúc đó vừa dụ hàng vừa hăm dọa, ông trả lời:

- *Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng chừng nào ngài trừ cho hết cỏ trên mặt đất thì chúng tôi mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này*

Và trước khi hy sinh, Nguyễn Trung Trực còn khẳng khái nhắc lại:

- Bao giờ Tây nhõ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây

V.Khen ngợi:

Nguyễn Thông viết:

“Nguyễn Văn Lịch tính thâm trầm, nghiêm nghị và can đảm...”. (truyện Hồ Huấn Nghiệp trong Kỳ Xuyên văn sao)

Paul Vial kể:

Trong khi đại úy hải quân Piquet, thanh tra bốn quốc sự vụ chất vấn ông Trực, ông Trực tỏ ra rất cương quyết và rất đàng hoàng chính đáng. Các câu trả lời của ông đã cho thấy một cách chính xác phẩm chất của con người đó, người đã đóng một vai trò đáng kể”.

Và ông Trực đã bình tĩnh nói với Piquet:

" Số tôi hết rồi, tôi đã không cứu được quê hương tôi thì nay tôi chỉ xin một điều là được chết sớm chừng nào hay chừng đấy".

Ở những đoạn văn khác, Paul Vial còn khen ngợi:

Nguyễn Trung Trực là “người rất tự trọng, có tư cách đáng quý và đầy nghị lực”, là “ người có gương mặt thông minh và dễ có thiện cảm” là “ một người chỉ huy trẻ tuổi, rất can đảm, chống nhau với ta ngót mười năm trời”.(sách đã dẫn, quyển 2, tr. 241)

Alfred Schreiner cho biết:

Trong suốt thời kỳ bị giam cầm, ông Trực không có lúc nào tỏ ra yếu đuối cả, một cách thẳng thắn và đàng hoàng, ông công nhận các chiến công của ông và cũng nhận là đã khinh thường sức mạnh của Pháp. Ngoài ra, ông chỉ yêu cầu ban cho ông một ân huệ, ấy là được xử tử ông ngay tức khắc.(sách đã dẫn, tr. 300)

Trong một bài thơ điếu, Huỳnh Mẫn Đạt có câu:

Anh hùng cường cảnh phương danh thọ

Tu sát đê đầu vị tử nhân.

Dịch nghĩa:

Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi

Lũ sống khom lưng chết thẹn dần

Được tin ông thọ tử, vua Tự Đức sai hoàng giáp Lê Khắc Cần làm lễ truy điệu, đọc bài điếu với chính bút ngự rằng(3):

Ký bi ngư nhân

Hùng tại quốc sĩ

Hỏa Nhật Tảo thuyền

Đồ Kiên Giang lũy

Địch khải đồng cừ

Thân tiên tự thi

Hiệu khí cổ kim

Thử nhân nam tư

Xích huyết hoàng sa

Ô hô dĩ hi

Huyết thực thiên thu

Chương nhữ trung nghĩa.

Thái Bạch dịch:

Giỏi thay người chài

Mạnh thay quốc sĩ

Đốt thuyền Nhật Tảo,

Phá lũy Kiên Giang.

Thù nước chưa xong

Thân sao đã mất

Hiệu khí xưa nay

Người nam tử ấy

Máu đỏ, cát vàng

Hỡi ơi thôi vậy

*Ngàn năm hương khói,
Trung nghĩa còn đây.*

Và cũng chính nhà vua này đã sắc phong ông làm Thượng Đẳng Linh Thần, thờ tại làng Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá nơi ông đã hiên ngang thà chịu chết chứ không chịu đầu hàng Pháp.

Đã rất nhiều năm qua, dân làng Vĩnh Thanh Vân, nhất là những ngư dân, luôn tôn kính và tự hào về Nguyễn Trung Trực, một người xuất thân từ giới dân chài áo vải, vậy mà đã trở thành một vị anh hùng, đúng với ý nghĩa: "Sống làm Tướng và chết làm Thần!" và "anh khí như hồng", nghĩa là khí tiết của người anh hùng rực rỡ như cầu vồng bảy sắc.

VI. Tưởng nhớ:

Sau khi ông bị hành hình, dân chúng cảm thương vô cùng nên đã bí mật thờ ông như một vị anh hùng trong đền thờ Nam Hải đại vương (cá Ông hay cá Voi), chính là ngôi đền thờ Nguyễn Trung Trực tại TP. Rạch Giá hiện nay.

Và khi người Pháp không còn cai trị Việt Nam, vào năm 1970, nhân dân địa phương đã lập tượng Nguyễn Trung Trực bằng đồng, màu đen đặt trước “chợ nhà lồng” Rạch Giá (cũ)

Hiện nay, phần mộ của ông và tượng thờ (được sơn lại màu nâu đỏ) vừa kể đều đã được di dời vào trong khuôn viên khu đền thờ của ông tại TP Rạch Giá (ảnh), và người ta đã cho làm một tượng mới bằng cũng bằng đồng lớn hơn, màu xám, để thay thế (năm 2000). Khu “chợ nhà lồng” mà sau này nó còn có tên là “Khu thương mại”, cũng đã di dời nơi khác để nơi đó trở thành thành công viên.

Nhiều tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long...nhân dân đã lập đền thờ ông và hằng năm đều có tổ chức lễ tưởng niệm trọng thể. (Đình Nguyễn Trung Trực tại Rạch Giá tổ chức lễ giỗ vào các ngày từ 27 đến 29 tháng 8 âm lịch. Đình và mộ nơi này đã được công nhận là di tích Lịch-Văn hóa cấp quốc gia vào ngày 06 tháng 12 năm 1989).

Bùi Thụy Đào Nguyên, biên soạn

Chú thích:

(1) Ghi theo sách Hỏi đáp lịch sử Việt Nam tập 4, NXB Trẻ, năm 2007. Căn cứ biên bản hỏi cung ông Nguyễn Trung Trực tại khám đường Sài Gòn vào tháng 10 năm 1868, ông Trực “mới được 30 tuổi”(age’ de 30 ans), thì rất có thể ông sinh năm 1838. Nguyễn Q. Thăng và Nguyễn Bá Thế, Từ điển nhân vật Việt Nam cho rằng ông sinh năm 1837.

(2) Theo bản hồ sơ cá nhân của Huỳnh Công Tấn và Trần Bá Lộc còn cất giữ tại kho lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có bản quyết định khen thưởng Bắc đẩu bội tinh và phong chức lãnh binh cho Tấn(S.L 2754. Dossier individuel le Huynh Van Tan, lanh binh à Go Công) và quyết định số 803, ký ngày 15 tháng 8 năm 1868 của đô đốc toàn quyền Nam kỳ G. Ohier, thăng chức đốc phủ sứ cho Trần Bá Lộc, và bản thông báo số 532 cũng do đô đốc này ký để báo cho Lộc biết quyết định của Bộ trưởng hải quân Pháp tặng thưởng cho Lộc huy chương danh dự hạng I. (S.L 311. Dossier individuel le M. Loc (Tran Ba)) Hai người này được Pháp khen thưởng vì đã có công trong việc “tiểu trừ bọn phản loạn ở Rạch Giá”.(ám chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực).

Theo Nguyễn Nghị: hồ sơ ông Đỗ Hữu Phương cũng tại kho lưu trữ trên, kể lẽ dài dòng công việc ông có tham gia cuộc hành quân tái chiếm Rạch Giá.(sách đã dẫn, tr.252)

(3) Theo ý kiến của Nguyễn Thị Thanh Xuân trong cuộc “hội thảo khoa học về thân thế và sự nghiệp Nguyễn Trung Trực” trong hai ngày 7 và 8 tháng 10 năm 1988 tại Rạch Giá, thì bài thơ này của nhà thơ Trương Gia Mô.

Điều này rất có thể, vì Nguyễn Nghị căn cứ Cơ mật viện trích tư sự, đề ngày 6 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức 1872 cho biết: "Mãi bốn năm sau khi Nguyễn Trung Trực mất, triều đình Huế mới có văn thư yêu cầu " cứu xét rõ nguyên ủy, sự trạng của hai tên này (Nguyễn Trung Trực và Hồ Huân

Nghiệp) xuất thân như thế nào, đã từng làm quan hay chưa, theo ai làm việc gì, chết ngày nào" để xem có nên hay không nên tặng thưởng...(Tài liệu cơ mật mang ký hiệu R. 73/199 tại Lưu trữ Trung ương 2.Dẫn theo Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu Pháp , sách đã nêu.

(4)Theo Nguyễn Thị Diệp Mai, tại địa chỉ: <http://vannghesongcuulong.org/>

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vy**.

Đánh máy: Rongxanhag

Nguồn: Vnthuquan - Thư viện online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 27 tháng 3 năm 2008